




BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHÈ BÀU CẠN - KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ




# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MTV CHÈ BÀU CẠN

<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ</b>	
	<b>SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (84-8) 38 217 713 Fax: (84-8) 38 217 452
<b>TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b>	
	<b>CÔNG TY TNHH MTV CHÈ BÀU CẠN</b> Địa chỉ: Quốc lộ 19, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai Điện thoại: (059) 3843959 Fax: (059) 3843808
<b>TỔ CHỨC TẾ VẠN</b>	
	<b>CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NHNN &amp; PTNT VIỆT NAM - CN ĐÀ NẴNG</b> Địa chỉ: Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: 0511.3671666 Fax: 0511.3621893

Tháng 11 năm 2016

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHÈ BÀU CẠN - KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MTV CHÈ BÀU CẠN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ	
	<b>SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (84-8) 38 217 713 Fax: (84-8) 38 217 452
TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	
	<b>CÔNG TY TNHH MTV CHÈ BÀU CẠN</b> Địa chỉ: Quốc lộ 19, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai Điện thoại: (059) 3843959 Fax: (059) 3843808
TỔ CHỨC TƯ VẤN	
	<b>CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NHNN &amp; PTNT VIỆT NAM – CN ĐÀ NẴNG</b> Địa chỉ: Tòa nhà Agribank, 228 đường 2/9, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: 0511.3671666 Fax: 0511.3621893

Tháng 11 năm 2016

**MỤC LỤC**

I.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.....	3
1.	Tổ chức phát hành.....	3
2.	Cổ phần chào bán đấu giá.....	3
3.	Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần.....	3
II.	CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU...4	
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
IV.	CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....6	
V.	THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....6	
1.	Giới thiệu về Công ty.....	6
3.	Ngành nghề kinh doanh.....	7
4.	Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	8
5.	Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.....	10
6.	Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần.....	11
7.	Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015.....	11
8.	Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	14
9.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.....	15
10.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	23
VI.	PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ.....24	
1.	Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh.....	24
2.	Ngành nghề kinh doanh.....	25
3.	Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty Cổ phần.....	25
4.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá.....	29
4.1.	Định hướng & Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa.....	29
4.2.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa.....	29
4.3.	Các giải pháp và căn cứ để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch.....	30
5.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần.....	32
VII.	PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....32	
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....35	
IX.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ.....36	
1.	Rủi ro về kinh tế.....	36
2.	Rủi ro về luật pháp.....	38
3.	Rủi ro đặc thù.....	39
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	39
5.	Các rủi ro khác.....	39

**I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU****1. Tổ chức phát hành**

Tên Công ty	: Công Ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn
Địa chỉ	: Quốc lộ 19, xã Bàu Cạn, huyện Chu Prông, tỉnh Gia Lai
Điện thoại	: (059) 3843959
Fax	: (059) 3843808
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	: <b>108.976.000.000 đồng</b>
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng cổ phần	: <b>10.897.600 cổ phần</b>

**Trong đó:**

- Cổ phần Nhà nước	: 0.cổ phần, chiếm 0% VDL
- Cổ phần bán cho người lao động	: 385.700 cổ phần, chiếm 3,54% VDL
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	: 5.557.776 cổ phần, chiếm 51% VDL
- Cổ phần bán đấu giá công khai	: 4.954.124 cổ phần, chiếm 45,46% VDL

**2. Cổ phần chào bán đấu giá**

Số lượng cổ phần chào bán đấu giá	: <b>4.954.124 cổ phần</b> , chiếm 45,46% VDL
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông
Hình thức phát hành	: Bán cổ phần phát hành lần đầu của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước ra công chúng theo phương thức đấu giá qua tổ chức trung gian
Giá khởi điểm bán đấu giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu	: 100 cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa	: <b>4.954.124 cổ phần</b>

**3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần**

Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

## II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

- Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về Chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp Nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Công văn số 5067/UBND-KTTH ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh quản lý;
- Công văn số 93/SKHĐT-ĐKKD ngày 10/02/2015 của Sở kế hoạch & Đầu tư – Cơ quan thường trực ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước về việc hướng dẫn quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Công văn số 2206/TTg-DMDN ngày 03/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Quyết định 01/QĐ-BCĐCPH ngày 8/01/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước tỉnh về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa các Doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 19/09/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn để cổ phần hóa;
- Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Phương án sử dụng lao động được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt ngày 31/3/2016 của Công ty TNHH một thành viên Chè Bàu Cạn;
- Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất Công ty TNHH một thành viên Chè Bàu Cạn tại xã Bàu cạn, huyện Chư Prông;
- Hợp đồng tư vấn phương án cổ phần hóa và tổ chức bán cổ phần số 09/2015/Agriseco/TVDN ngày 24/08/2015 giữa Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

**III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN****1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hoá****Ông Hồ Phước Thành**

Chức vụ: Giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư, Phó Trưởng Ban thường trực Ban chỉ đạo cổ phần hóa.

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

**2. Doanh nghiệp cổ phần hoá: CÔNG TY TNHH MTV CHÈ BÀU CẠN****Ông Phạm Văn Trường**

Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

**3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG****Ông Hoàng Anh**

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn. Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn cung cấp.

**IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

Công ty	:	Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn
Doanh nghiệp cổ phần hóa	:	Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn
AGRISECO Đà Nẵng	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
Tổ chức tư vấn	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
CTCP	:	Công ty cổ phần
DTT	:	Doanh thu thuần
CP	:	Chi phí

**V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**1. Giới thiệu về Công ty**

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn
- Tên tiếng Anh: Bau Can Tea Limited Company
- Tên viết tắt: Chè Bàu Cạn
- Địa chỉ: Quốc lộ 19, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (059) 3843959 Fax: (059) 3843808
- Email: ctychebaucan@gmail.com
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 5900190465 do Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai cấp đăng ký lần đầu ngày 28/08/1996, thay đổi lần 1 ngày 31/12/2010

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH một thành viên Chè Bàu Cạn tiền thân trước ngày giải phóng 1975 là Đoàn điền Trà Bàu cạn được hình thành từ năm 1923 do chủ tư bản người Pháp quản lý khai thác với tên gọi “Compagnie Agricole Thé Et Café Kontum Annam” : gọi tắt là CATECKA. Sản phẩm chủ yếu là chế biến chè đỏ (CTC) xuất khẩu;

Sau ngày giải phóng Miền nam, cơ sở đồn điền nhà máy được chính quyền Cách mạng tiếp quản củng cố tổ chức lại sản xuất kinh doanh chế biến chè cho đến nay;

Năm 1993 theo tinh thần nghị định 388/1993/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Gia Lai đã quyết định thành lập lại tại quyết định 84/QĐ-UB-TLL ngày 12/03/1993 có tên là Nông trường Quốc doanh Chè Bàu cạn;

Năm 1996 UBND tỉnh Gia Lai quyết định số 783/QĐ-UB đổi tên thành : Xí nghiệp Nông Công Nghiệp Chè Bầu cạn; và quyết định số 15/2007/QĐ-UB ngày 01/03/2007 đổi tên thành Công ty Chè Bầu cạn;

Ngày 09 tháng 08 năm 2006 theo quyết định số 397/QĐ-UB của UBND tỉnh Gia lai đồng ý bổ sung nhiệm vụ cho đơn vị : Sản xuất phân phối & kinh doanh mua bán điện.

Ngày 23 tháng 8 năm 2010 quyết định số 569/QĐ-UBND phê duyệt đề án chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Chè Bầu cạn và giấy phép hoạt động kinh doanh số 5900190465 cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010

Trải qua quá trình hình thành và phát triển công ty luôn duy trì được nhịp độ sản xuất kinh doanh hằng năm. Hoàn thành nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động, bảo đảm việc làm và đời sống cho cán bộ công nhân viên cũng như người dân trong khu vực địa bàn xã Bầu cạn;

Sản phẩm của Công ty chủ yếu là chè xanh nội tiêu, thị trường tiêu thụ chủ yếu trong nước thuộc khu vực các tỉnh Miền trung và Tây nguyên. Trong những năm qua chất lượng sản phẩm luôn được giữ vững và không ngừng được nâng cao đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng ; thương hiệu Chè Bầu cạn đã nâng cao uy tín trên thị trường.

Tiềm năng của Công ty còn rất nhiều lợi thế về đất đai, giao thông thủy lợi. Nhà máy chế biến có thiết bị đảm bảo đủ các loại sản phẩm chè theo nhu cầu của thị trường. Có hệ thống lưới điện thủy điện đã hòa vào nguồn lưới điện quốc gia đảm bảo phục vụ cho sản xuất và đời sống sinh hoạt cho CBCNV và người dân trong khu vực.

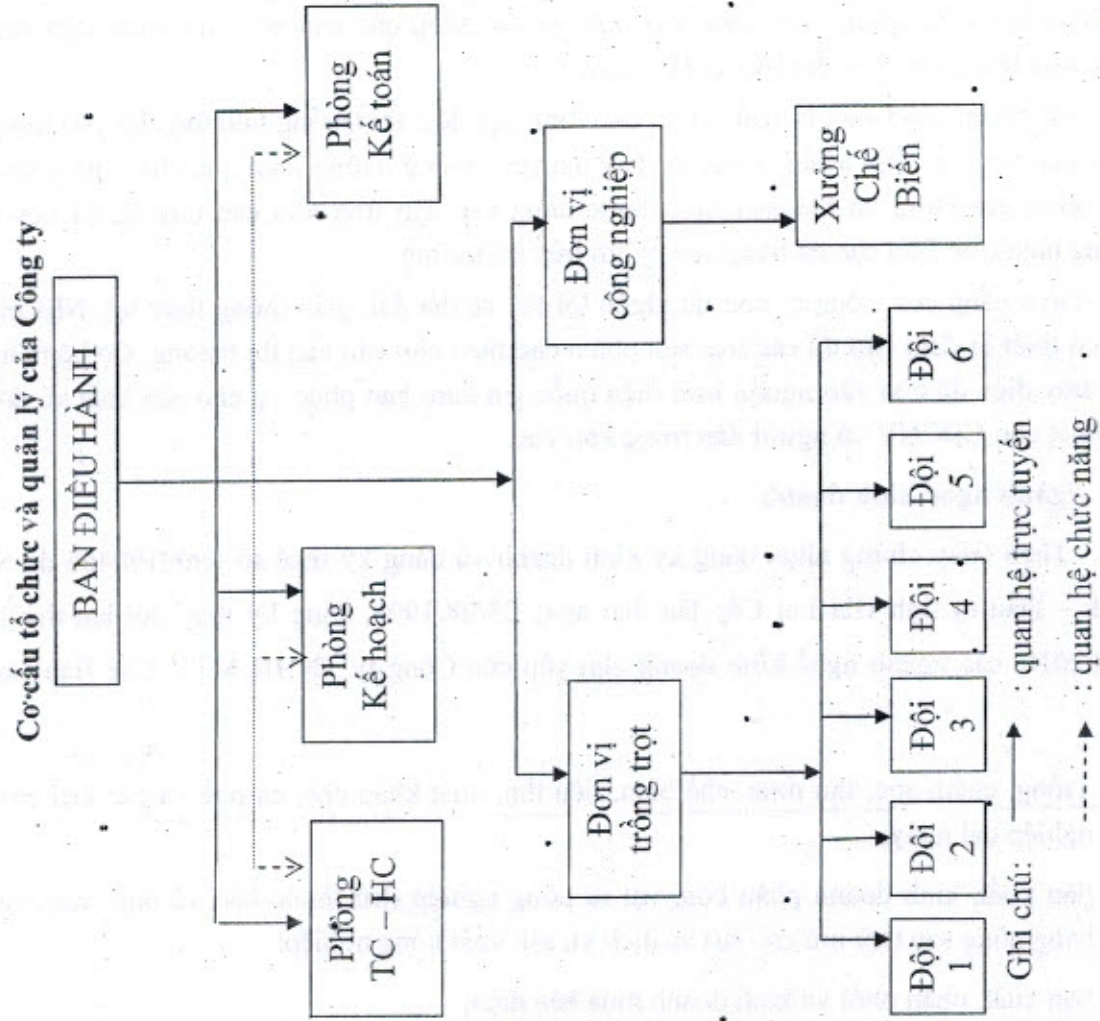
### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5900190465 do Sở Kế Hoạch – Đầu tư tỉnh Gia Lai Cấp lần đầu ngày 28/08/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31/12/2010, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH MTV Chè Bầu Cạn như sau:

- Trồng, chăm sóc, thu mua, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu chè, cà phê và các loại cây công nghiệp dài ngày;
- Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), các mặt hàng nông sản (trừ mù cao su) và dịch vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất, phân phối và kinh doanh mua bán điện;
- Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp.



4. Cơ cấu tổ chức và quản lý



Nguồn: Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn

#### 4.1. Văn phòng công ty

##### a. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty nhân danh Chủ sở hữu Công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể và chế độ làm việc của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty đối với Chủ sở hữu Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 5 năm; có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

##### b. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên là người thay mặt Chủ sở hữu Công ty kiểm soát mọi hoạt động của Công ty cũng như giám sát những người quản lý, điều hành nhằm đảm bảo lợi ích của Chủ sở hữu Công ty và của Công ty.

Công ty có 1 kiểm soát viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 3 năm; có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

##### c. Bộ máy giúp việc cho Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Bộ máy giúp việc cho Giám đốc gồm có:

- Phó giám đốc: Giúp việc Giám đốc có 1 Phó giám đốc. Phó giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty: các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và Phó Giám đốc trong công tác quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Công ty có 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ như sau:

- Phòng Kế hoạch:

- + Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- + Lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu;
- + Theo dõi tiến độ sản xuất kinh doanh;
- + Thống kê và báo cáo các số liệu theo yêu cầu.
- + Xây dựng và quản lý các dự án, phát triển sản xuất phục vụ đời sống.
- + Mua bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tìm kiếm thông tin thị trường và đối thủ cạnh tranh.
- + Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, xây dựng kế hoạch thị trường ngắn và dài hạn.

+ Tham mưu cho giám đốc về các vấn đề liên quan đến các hợp đồng kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

• **Phòng Tổ chức - Hành chính:**

+ Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo luật và quy chế công ty.

+ Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

+ Lưu trữ, bảo quản hồ sơ, hình ảnh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng. Quản lý hồ sơ cán bộ, công nhân đang công tác tại doanh nghiệp theo quy định.

+ Theo dõi kênh tiêu thụ sản phẩm và cung ứng nguyên nhiên vật liệu.

• **Phòng Kế toán:**

+ Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán...

+ Tham mưu cho Ban lãnh đạo về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ kế toán trong từng thời kỳ hoạt động kinh doanh. Tham mưu về công tác tài chính kế toán.

+ Thu thập và xử lý thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong công ty.

+ Thực hiện một số chức năng khác khi được Ban lãnh đạo giao.

**d. Đơn vị sản xuất, kinh doanh trực thuộc**

Công ty có 06 đơn vị trồng trọt và 01 xưởng chế biến. Cụ thể như sau:

- Các đơn vị trồng trọt: sản xuất chè và cà phê, cung ứng chè nguyên liệu.
- Xưởng chế biến: sản xuất chè khô và phục vụ cho các đơn vị sản xuất như sửa chữa điện, nước, máy móc và việc khác.

**4.2 Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn của Công ty**

**Công ty mẹ:** Không có

**Công ty con:** Không có

**Công ty liên kết:** Không có

**Công ty phụ thuộc:** Không có

**Công ty đầu tư dài hạn khác:** Không có

**5. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu**

Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chè Bầu Cạn hiện đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu sau:

- Sản phẩm trà các loại: Trà hương đặc biệt, Trà xanh cao cấp, Trà xanh đặc biệt, Trà xanh loại 1, Trà xanh 2, Trà sơ chế các loại. Ngoài ra, dây chuyền chế biến của nhà máy còn có khả năng sản xuất ra các loại sản phẩm trà khác tùy theo nhu cầu của thị trường.
- Cà phê nhân xô.
- Điện thương phẩm.

#### 6. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần

Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty sau khi cổ phần hoá

Tính đến thời điểm cổ phần hóa, tổng số lao động có tên trong danh sách lao động: 337 người.

Tổng số lao động chuyển sang công ty cổ phần là: 332 người.

#### Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hóa

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	332	100
Phân theo trình độ lao động	332	100
- Trên đại học	-	-
- Trình độ đại học	13	3,92
- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	17	5,12
- Trình độ khác	302	90,96
Phân theo loại hợp đồng lao động	332	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	2	0,60
- Hợp đồng không thời hạn	329	99,10
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	1	0,30
- Hợp đồng thời vụ	-	-
Phân theo giới tính	113	100
- Nam	79	23,80
- Nữ	253	76,20

Nguồn: Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn

#### Nguồn nhân lực của Công ty có những điểm mạnh sau:

- Đội ngũ lao động của Công ty phần lớn tương đối đáp ứng được yêu cầu về trình độ tay nghề, về kinh nghiệm, phù hợp với công việc được giao.
- Đội ngũ viên chức quản lý doanh nghiệp và cán bộ quản lý được đào tạo tương đối bài bản, có kỹ năng và kiến thức tốt về lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Hầu hết người lao động đều gắn bó, tâm huyết với Công ty và có ý thức chấp hành kỷ luật và lao động tốt.

#### 7. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 19/09/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn để cổ phần hóa, Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác

định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa ngày 31/12/2015 là **159.794.573.164 đồng** (Một trăm năm mươi chín tỷ bảy trăm chín mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng).

Trong đó: Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là **108.975.944.666 đồng** (Một trăm lẻ tám tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Số liệu theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

**Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp**

Đơn vị: VND

TT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ SỐ SÁCH KẾ TOÁN	GIÁ TRỊ TỰ VẤN	GIÁ TRỊ THẨM ĐỊNH
	1	2	3	4
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG</b>	<b>64.793.531.078</b>	<b>159.794.573.164</b>	<b>159.794.573.164</b>
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>38.705.957.267</b>	<b>120.772.917.608</b>	<b>120.772.917.608</b>
1	Tài sản cố định	34.413.107.254	116.480.067.595	116.480.067.595
1.1	Tài sản cố định hữu hình	34.413.107.254	116.480.067.595	116.480.067.595
a	Trụ sở làm việc	2.702.683.098	3.996.153.579	3.996.153.579
b	Nhà hội trường	1.101.172.188	2.834.480.736	2.834.480.736
c	Nhà kho	406.016.422	562.764.422	562.764.422
d	Giao thông	39.889.158	39.889.158	39.889.158
e	Nhà máy Chế biến	13.894.192.429	17.358.163.612	17.358.163.612
f	Hệ thống nhà máy thủy điện	213.821.383	2.812.500.000	2.812.500.000
g	Đường dây 22kv	-	706.200.000	706.200.000
h	Trạm nâng- hạ F28	557.562.763	840.892.109	840.892.109
i	Sân phơi cà phê	1.671.703.384	2.916.987.527	2.916.987.527
j	Máy nông nghiệp	-	62.800.000	62.800.000
k	Hệ thống tưới tiêu	4.033.357.970	15.264.627.331	15.264.627.331
l	Nhà khách	1.324.911.818	1.324.911.818	1.324.911.818
m	Vườn cây	8.467.796.641	67.759.697.303	67.759.697.303
1.2	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
1.3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.073.603.331	4.073.603.331	4.073.603.331
2	Chi phí trả trước dài hạn	219.246.682	219.246.682	219.246.682
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
5	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>	<b>26.087.573.811</b>	<b>26.453.379.811</b>	<b>26.453.379.811</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.403.847.517	4.403.847.517	4.403.847.517
1.1	Tiền mặt tại quỹ	942.020.114	942.020.114	942.020.114
1.2	Tiền gửi ngân hàng	3.461.827.403	3.461.827.403	3.461.827.403
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-

TT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ SỔ SÁCH KẾ TOÁN	GIÁ TRỊ TƯ VẤN	GIÁ TRỊ THẨM ĐỊNH
3	Các khoản phải thu	18.929.379.205	18.929.379.205	18.929.379.205
3.1	<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>18.535.566.863</i>	<i>18.535.566.863</i>	<i>18.535.566.863</i>
3.2	<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>256.000.000</i>	<i>256.000.000</i>	<i>256.000.000</i>
3.3	<i>Phải thu nội bộ</i>			
3.4	<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>137.812.342</i>	<i>137.812.342</i>	<i>137.812.342</i>
3.5	<i>Các khoản dự phòng phải thu khó đòi</i>			
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	1.765.219.171	1.765.219.171	1.765.219.171
5	Chi phí trả trước ngắn hạn			
6	Tài sản lưu động khác	989.127.918	1.354.933.918	1.354.933.918
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ LỢI THÊ KINH DOANH</b>	-	<b>12.568.275.744</b>	<b>12.568.275.744</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>			
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN KHÔNG CẢN DỪNG (*)</b>	<b>401.419.555</b>	<b>401.419.555</b>	<b>401.419.555</b>
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>401.419.555</b>	<b>401.419.555</b>	<b>401.419.555</b>
1	Tài sản cố định	34.601.089	34.601.089	34.601.089
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
3	Chi phí XDCB dở dang	366.818.466	366.818.466	366.818.466
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
<b>II</b>	<b>TSLĐ VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>			
1	Phải thu ngắn hạn			
2	Vật tư hàng hóa tồn kho			
3	Tài sản lưu động khác			
4	Các khoản phải thu dài hạn khó đòi			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
<b>C</b>	<b>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>			
<b>D</b>	<b>TS HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT - PL (*)</b>			
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP</b>	<b>65.194.950.633</b>	<b>160.195.992.719</b>	<b>160.195.992.719</b>
	Trong đó:			
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP</b>	<b>64.793.531.078</b>	<b>159.794.573.164</b>	<b>159.794.573.164</b>
<b>E</b>	<b>NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ</b>	<b>48.847.490.364</b>	<b>48.847.490.364</b>	<b>48.799.233.614</b>
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			
	<i>Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>2.019.394.884</i>	<i>2.019.394.884</i>	<i>2.019.394.884</i>
	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp</i>			
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP</b>	<b>13.926.645.830</b>	<b>108.927.687.916</b>	<b>108.975.944.666</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty)

CÔNG TY TNHH MTV CHÈ BÀU CẠN

## 8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

### 8.1 Tình hình sử dụng đất đai:

❖ Tình hình quản lý và sử dụng đất tại thời điểm 31/12/2015:

Theo hồ sơ pháp lý đã được UBND tỉnh Gia Lai giao trước khi cổ phần hóa thì đất Công ty sử dụng là: 900,405 ha với hình thức sử dụng đất: thuê đất, phương thức trả tiền thuê đất hàng năm.

Sau khi đo đạc để tiến hành cổ phần hóa thì diện tích thực tế là 925,609 ha (do tăng diện tích bờ lô vành ngoài vườn cây, đất mặt nước hồ đập); đã được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn tại xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông tại quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 18/05/2016 với tổng diện tích 925,609 ha, trong đó:

- Giao về địa phương là 15 ha;

- Công ty quản lý khi cổ phần hóa là 910,609 ha, bao gồm:

+ Đất nông nghiệp: 898,737 ha (đất chè 480,019 ha; đất cà phê 315,824 ha; đất bờ lô 34,324 ha; đất mặt nước (hồ đập) 68,570 ha)

+ Đất phi nông nghiệp: 11,872 ha.

❖ Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty:

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 18/05/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn, huyện Chư Prông; việc quản lý, sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn như sau:

STT	Loại đất	DT đất đề nghị giữ lại sử dụng (ha)
1	Đất Nông nghiệp – GT- TL	898,737
-	Đất nông nghiệp:	795,843
	+ Diện tích vườn chè:	480,019
	+ Diện tích cà phê:	315,824
-	Đất giao thông (đường lô)	34,324
-	Đất mặt nước (hồ đập)	68,570
2	Đất phi nông nghiệp	11,872
	Cộng	<b>910,609</b>

Trong đó:

- Đất Nông nghiệp - giao thông - thủy lợi: 898,737 ha

+ Phía Đông giáp thôn 4 (xã Gào) và núi Hàm Rồng - thành phố Pleiku.

+ Phía Tây giáp núi Chư Bolboi và suối Ia Bơ xã Thăng Hưng huyện Chư Prông.

+ Phía Nam giáp suối Ia Do xã Ia Phìn huyện Chư Prông.

- + Phía Bắc giáp suối Ia Púch và xã Gào – thành phố Pleiku.
- Đất Phi Nông nghiệp: 11,872 ha
  - + Đất trụ sở cơ quan, khu công nghiệp, nhà kho, sân phơi 1, khu hội họp: 8,382 ha
  - Phía Đông giáp thôn Đồng tâm, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông.
  - Phía Tây giáp thôn Hòa Bình, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông.
  - Phía Nam giáp quốc lộ 19.
  - Phía Bắc giáp thôn Bình An, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông.
  - + Đất phi nông nghiệp (sân phơi 2): 3,49 ha
  - Phía Đông giáp thôn Đồng tâm, xã Bàu Cạn, huyện Chư Prông.
  - Phía Tây giáp vườn chè 78 Công ty.
  - Phía Nam giáp vườn, nhà hộ dân
  - Phía Bắc giáp quốc lộ 19.

## 8.2 Tình hình tài sản cố định tại 31/12/2015

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng giá trị tài sản cố định còn lại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo sổ sách kế toán là: 38.888.130.140 đồng. Cụ thể như sau:

DVT: VNĐ

Nhóm tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1. TSCĐ hữu hình	58.917.606.401	24.469.898.058	34.447.708.343
- Nhà cửa vật kiến trúc	19.202.167.083	6.594.617.851	12.607.549.232
- Máy móc thiết bị	20.879.362.126	8.689.128.424	12.190.233.702
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.190.584.915	1.037.766.544	1.152.818.371
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	472.334.183	443.023.786	29.310.397
- Tài sản cố định khác	16.173.158.094	7.705.361.453	8.467.796.641
2. Tài sản vô hình	-	-	-
3. Chi phí XDCB dở dang	4.440.421.797	-	4.440.421.797
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.358.028.198</b>	<b>24.469.898.058</b>	<b>38.888.130.140</b>

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

## 9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

### 9.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

#### 9.1.1. Sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm



- ❖ Cơ cấu doanh thu trong từng lĩnh vực hoạt động như sau:

### Cơ cấu doanh thu

STT	DOANH THU	NĂM 2013		NĂM 2014		NĂM 2015	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	55.308	99,50	51.206	99,34	59.118	99,48
1	Doanh thu chè	39.151	70,43	38.000	73,72	40.959	68,71
2	Doanh thu cà phê	15.234	27,41	12.350	23,96	17.037	28,67
3	Doanh thu điện, nước	923	1,17	960	1,86	1.253	2,10
II	Doanh thu từ hoạt động tài chính	68	0,12	133	0,26	28	0,05
III	Thu nhập khác	209	0,38	206	0,40	278	0,47
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.585</b>	<b>100</b>	<b>51.545</b>	<b>100</b>	<b>59.423</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

Tình hình doanh thu trong ba năm trước cổ phần hóa của Công ty như sau:

- Doanh thu của công ty giữ ở mức ổn định qua các năm. Doanh thu năm 2015 bằng 115,28% so với doanh thu năm 2014 và bằng 106,90% doanh thu năm 2013.

- Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trong 3 năm qua của Công ty chiếm trên 99% trong tổng doanh thu hàng năm. Trong đó, doanh thu từ chè có tỷ trọng ổn định ở mức trên 68% trong tổng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ hằng năm

- ❖ Về lợi nhuận:

### Lợi nhuận 3 năm trước cổ phần hóa

STT	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.915	159,00	6.824	145,53	2.347	844,24
2	Từ hoạt động tài chính	-2.646	-60,84	-2.162	-46,11	-2.215	-796,76
3	Lợi nhuận khác	80	1,84	27	0,58	146	52,52
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.349</b>	<b>100</b>	<b>4.689</b>	<b>100</b>	<b>278</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, 2014, 2015 của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

- Lợi nhuận trước thuế từ bán hàng và cung cấp dịch vụ 3 năm luôn chiếm tỷ trọng lớn trên tổng lợi nhuận các năm: năm 2013 chiếm 159% và năm 2014 là 145,53% so với tổng lợi nhuận, riêng năm 2015 doanh thu từ chè chính phẩm giảm mạnh do hạn hán, lợi nhuận từ các

loại chè khác không cao nên lợi nhuận giảm mạnh so với các năm trước, nhưng nhìn chung thì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn ổn định qua các năm.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính âm vì lãi vay hàng năm phát sinh cao, do vốn hoạt động kinh doanh chủ yếu là vốn vay.

### 9.1.2. Nguyên vật liệu

Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn là một đơn vị hoạt động có truyền thống và lâu năm trong lĩnh vực chè, cà phê và các loại cây công nghiệp dài ngày. Đây là một ngành kinh doanh mang những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp như: tính mùa vụ và phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Do vậy nguồn nguyên vật liệu của Doanh nghiệp chủ yếu cũng đến từ các nhà cung cấp thân thiết, có quan hệ lâu năm. Trong đó, chủ yếu là các nguyên vật liệu sau:

- Nguyên liệu chính: Vùng nguyên liệu chè búp tươi tự sản xuất thu hoạch về chế biến sản phẩm Trà khô các loại.

- Vật tư khác mua vào:

+ Phân bón : Đạm U rê, Kaly, Lân, NPK, Hữu cơ sinh học, Thuốc Trebon, thuốc diệt cỏ (cây chè và cây cà phê)

+ Năng lượng: Điện, than đốt, củi đốt.

+ Nhiên liệu: Xăng, dầu Diesel, dầu máy, mỡ máy

+ Vật tư phụ kiện đóng gói sản phẩm: Màng trà, hộp trà , thùng cat tong, bao cước PP, bao PE, mực in, băng keo, chỉ may ...

+ Phụ tùng máy móc: vòng bi, dây cu roa, đồng hồ...

+ Vật tư điện; dây điện, bóng điện...

+ Vật tư khác.

Trong các năm qua, nguồn cung ứng nguyên, vật liệu nói trên cho Công ty đều ổn định, kịp thời. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu bao gồm:

STT	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
1	Công ty CP Bình Điền Mê Kông	Phân bón
2	Xí nghiệp Than Quy Nhơn	Than đốt
3	DNTN Quang Anh	Xăng, dầu
4	Cty TNHH SX-TM bao bì Văn Hoa	Bao bì đóng gói trà
5	Công ty TNHH TM và DV Tân Thanh	Phụ tùng vật tư điện, máy

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

### 9.1.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Tỷ trọng các khoản chi phí so với doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ như sau:

**Chi phí sản xuất kinh doanh**

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	43.796	85,48	39.591	84,50	52.390	88,58
2	Chi phí tài chính	2.713	5,30	2.295	4,90	2.243	3,79
3	Chi phí bán hàng	983	1,92	606	1,29	497	0,84
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.615	7,06	4.185	8,93	3.882	6,56
5	Chi phí khác	129	0,25	179	0,38	132	0,23
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.236</b>	<b>100</b>	<b>46.856</b>	<b>100</b>	<b>59.144</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, 2014, 2015

của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

- Với đặc trưng là doanh nghiệp sản xuất, Giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trên tổng chi phí của Công ty trong những năm vừa qua. Nhưng nhìn chung, cơ cấu chi phí của Chè Bàu Cạn là tương đối hợp lý, cùng với quá trình hoạt động, Công ty cũng đã có biện pháp tiết giảm và giữ ổn định chi phí tài chính, chi phí quản lý, chi phí bán hàng...

- Bằng việc áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đầu vào, Chè Bàu Cạn cũng đã tạo được sự chủ động trong việc kiểm soát giá vốn hàng bán, góp phần nâng cao lợi nhuận gộp cũng như tỷ suất lợi nhuận cho Công ty.

#### 9.1.4. Trình độ công nghệ

Công ty đang triển khai sản xuất chè theo công nghệ sản xuất chè tiên tiến. Quy trình sản xuất tại nhà máy được thực hiện như sau:

Trà Xanh được chế biến từ búp chè tươi. Diệt men là tiêu diệt các Enzim có trong chè nguyên liệu, nhằm khống chế quá trình oxy hóa các chất trong chè để giữ cho chè có nước màu xanh tự nhiên. Vò trà là làm dập tế bào lá chè, chất tan giải phóng ra bề mặt và chuyển vào nước sau khi pha dễ dàng hơn; làm cho cánh chè xoắn chặt, tạo hình dáng đẹp trung; sàng để tránh cho chè khỏi vón cục và có tác dụng làm nguội chè. Sấy chè là sử dụng nhiệt độ cao để làm bay đi một phần ẩm, từ đó thuận lợi cho việc bảo quản và cố định ngoại hình chè sau khi vò. Phân loại chè thành các phân có kích cỡ khác nhau bằng máy rung hoặc máy tách màu trà. Đóng gói theo từng loại sản phẩm có bao bì khác nhau như trà Hương đặc biệt loại hộp 40g, trà Xanh cao cấp túi hút chân không loại 200g và 100, trà Xanh đặc biệt gói 200g và 100g, trà Xanh 1 gói 100g, Xanh 2 gói 100g, chè Sơ chế các loại đóng bao PP tịnh từ 30-40 kg/bao.

**9.1.5. Tình hình phát triển và nghiên cứu sản phẩm mới**

Năm 2014 đã triển khai sản phẩm Trà xanh Đặc biệt hút chân không, mẫu mã và bao bì thay đổi. Công nghệ mới giúp chất lượng trà được lưu giữ và bảo quản tốt hơn. Trong những năm qua, thương hiệu Chè Bầu Cạn dần có chỗ đứng trong thị trường, bởi vậy việc đẩy mạnh thay đổi hình thức mẫu mã, bao bì thêm đặc sắc, gây ấn tượng tốt với người tiêu dùng hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt trong thời gian tới.

**9.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Hiện nay công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty được thực hiện chặt chẽ đối với từng sản phẩm, dịch vụ, cụ thể như sau:

- Sản phẩm Trà xanh:

TT	Các quá trình Sản xuất Cụ thể	KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG						
		Các chỉ Tiêu kiểm Soát	Quy trình kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu, cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/ kiểm tra	Phương pháp thử nghiệm / kiểm tra	Biểu mẫu ISO ghi chép	Ghi chú
1	Nhận nguyên liệu (chè búp tươi)	Tỷ lệ % lá bánh tẻ	Xác định hàm lượng bánh tẻ bằng phần trăm (X) theo công thức: $X = m/M * 100$ m: khối lượng % bánh tẻ M: Khối lượng mẫu đem xác định (g)	Thường xuyên lấy mẫu để xác định	Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,5kg	Dùng tay để bầm bẻ	B01.QT-CB-01 B07.QT-CB-01	
2	Bảo quản nguyên liệu (Làm ráo chè)	Độ ráo của búp chè	Ráo nước đều ngoài mặt lá chè $W=60\%-70\%$	Thường xuyên		Cảm quan		
3	Xào diệt men	Độ mềm, đều và màu sắc búp chè và độ diệt men	Nhiệt độ trung bình khi xào từ 220°-300°C. Búp chè sau khi xào mềm đều, không sống, không cháy, màu xanh thẫm $W=50\%-60\%$	Thường xuyên	H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> Toluen	Hóa học	B02.QT-CB-01	
4	Vò	Độ xoắn búp chè và độ dập tế bào	Thời gian vò từ 25-35 phút, một cối vò từ 140kg-160kg. Búp chè sau khi vò xoắn, đều, độ dập tế bào từ 50-60% $W=50\%-60\%$	Thường xuyên	K <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>4</sub>	Hóa học		
5	Sàng toi	Kích thước búp chè	Tách phần non, phần già của búp chè. Chè có kích thước đồng đều	Thường xuyên		Cảm quan		
6	Sấy nhẹ	Màu, độ mềm, hương thơm và độ ẩm của trà	Sấy ở nhiệt độ trung bình từ 90° - 125° C. Chè sau khi sấy có màu đen, mềm đều, thơm nhẹ Độ ẩm từ 3% - 5%	Thường xuyên	Máy đo độ ẩm KETT	Cảm quan		

7	Sao	Màu, hương thơm và độ ẩm của trà	Sao ở nhiệt độ trung bình từ 50° - 100° C. Thời gian sao từ 2 - 3 giờ, chèn sau khi sao xong cộ màu tro bạc Độ ẩm từ 3% - 5%	Thường xuyên, cỡ mẫu: 0,3kg	Máy đo độ ẩm KETT	Cảm quan	B03.QT-CB-01	
8	Phân loại	Độ đồng đều của trà	Phân loại theo tiêu chuẩn đã được quy định thông qua hệ thống máy phân loại trà	Thường xuyên, cỡ mẫu: 0,3kg		Cảm quan	B04.QT-CB-01	
9	Phối trộn	Độ đồng đều của trà	Dùng máy phối trộn và cân đồng hồ để tiến hành phối trộn	Thường xuyên, cỡ mẫu: 1,0kg			B05.QT-CB-01	
10	Đóng gói	Khối lượng sau khi gói	Dùng máy đóng gói tự động để đóng gói đúng theo khối lượng đã ghi trên bao bì	Thường xuyên, cỡ mẫu: 0,2kg				
11	Lấy mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm	Các chỉ tiêu cảm quan, các chỉ tiêu chủ yếu, hàm lượng kim		2 lần/năm 1kg/l lần				gửi đi kiểm nghiệm

- Sản phẩm cà phê:

+ Cà phê tươi:

Chất lượng sản phẩm đảm bảo theo quy định trong hợp đồng, tỷ lệ quả chín khi thu hái phải đạt trên 80% (bằng cảm quan).

Tạp chất không vượt quá 1 % ( dùng cân đồng hồ)

+ Cà phê nhân:

Thùy phần cà phê 15° (dùng máy đo độ)

Tạp chất 1% ( dùng cân đồng hồ)

Đen vỡ ≤ 5% ( dùng cân đồng hồ)

- Dịch vụ điện:

+ Số điện thương phẩm sản xuất từ nhà máy thủy điện dùng vào sản xuất nội bộ của Công ty, số thừa hòa lưới bán cho điện lực Gia Lai, bán cho người tiêu dùng và các hộ sản xuất kinh doanh.

+ Số KW điện sản xuất sẽ được tổ vận hành nhà máy ghi chép tổng thể. Số KW bán cho Điện lực sẽ được hai bên đi nghiệm thu lập biên bản xác nhận căn cứ trên đồng hồ. Số KW bán cho người tiêu dùng được nhân viên theo dõi điện ghi chép trên đồng hồ cá nhân.

- Dịch vụ tưới:

+ Hệ thống tưới các giàn đều có đồng hồ báo giờ tưới, các trạm bơm vận hành và ghi chép trong ngày báo về phòng theo dõi lịch tưới, đối tượng tưới và khối lượng tưới.

+ Thường xuyên kiểm tra vườn cây trong lúc tưới và sau khi tưới đã đạt yêu cầu kỹ thuật và đầy đủ độ ẩm trong đất.

### 9.1.7. Hoạt động Marketing

Để hoạt động kinh doanh ngày càng đạt hiệu quả cao, Công ty thường xuyên giữ vững mối quan hệ với khách hàng truyền thống, xây dựng và mở rộng các mối quan hệ với khách hàng mới và tăng cường tìm kiếm các khách hàng tiềm năng như:

- Thiết lập mạng lưới các nhà phân phối ở các tỉnh khu vực miền Trung, Tây nguyên và miền Nam;
- Tham gia hội chợ, triển lãm và giới thiệu sản phẩm trên chương trình “Chọn Giá đúng”;
- Thông tin bán hàng đến người tiêu dùng qua điện thoại;
- Trao đổi, thảo luận khách hàng bằng phiếu thăm dò ý kiến phản hồi về sản phẩm;
- Mở Website giới thiệu cả nước;
- Hội nghị khách hàng...

Công ty luôn coi trọng việc nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín đối với khách hàng là mục tiêu hàng đầu và cam kết là sản phẩm của Công ty luôn là địa chỉ tin cậy của người tiêu dùng, đảm bảo an toàn khi sử dụng. Để đảm bảo được điều đó, Công ty đã tập trung tăng cường công tác quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm thông qua việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VIETGAP) cho chè búp tươi an toàn.

### 9.1.8. Nhân hiệu thương mại, bản quyền phát minh, sáng chế

Hiện tại Công ty có đăng ký bản quyền của logo Công ty:

**Chè CATECKA**



**9.1.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

STT	Đối tác	Sản phẩm, dịch vụ hợp tác
1	Công ty TNHH Chế biến Trà Trân Nam Việt	Hợp đồng bán trà
2	Công ty TNHH Thịnh Phát Danh trà	Hợp đồng bán trà
3	Doanh nghiệp tư nhân Phi Long	Hợp đồng bán cà phê
4	Công ty TNHH MTV Anh Thu	Hợp đồng bán cà phê
5	Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung- Công ty Điện lực Gia Lai	Hợp đồng bán điện

**9.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa**

Một số chỉ tiêu tổng hợp giai đoạn 2013-2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	55.522	58.628	65.195
	Trong đó:				
	- Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	27.462	28.940	26.088
	- Tài sản dài hạn	Tr. đồng	28.060	29.688	39.107
2	Vốn chủ sở hữu theo sổ sách KT <sup>(1)</sup>	Tr. đồng	14.050	14.050	14.050
3	Nợ phải trả	Tr. đồng	41.459	44.578	50.867
	Trong đó:				
	- Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	36.153	39.590	38.595
	- Nợ dài hạn	Tr. đồng	5.306	4.988	12.272
4	Các khoản phải thu	Tr. đồng	9.424	11.534	19.008
	Trong đó:				
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr. đồng	9.424	11.534	19.008
	- Các khoản phải thu dài hạn	Tr. đồng	-	-	-
7	Lao động	Lao động	368	373	371
8	Thu nhập bình quân /người/tháng	Tr. đồng	4,5	5,3	4,6
9	Đã nộp NSNN	Tr. đồng	4.341	3.750	3.746
10	Tổng doanh thu <sup>(2)</sup>	Tr. đồng	55.585	51.545	59.423
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	4.349	4.689	278
12	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	3.260	4.689	278
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	23,20	22,37	1,98

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2013, 2014, 2015

của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

<sup>(1)</sup>: Số liệu lấy theo mã số 410/Bảng cân đối kế toán của Công ty

<sup>(2)</sup>: Gồm: Mã số (10+21+31) Báo cáo KQKD của Công ty

### 9.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

#### a. Thuận lợi.

Các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ngày càng hoàn thiện và chặt chẽ; Đảng ta tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, duy trì ổn định chính trị và quốc phòng an ninh được giữ vững; vấn đề môi trường ngày càng được Nhà nước và xã hội quan tâm.

Công ty luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan ban ngành quan tâm chỉ đạo, theo dõi, giúp đỡ, động viên kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của mình.

Đa số cán bộ Công ty là những người có trình độ, có năng lực và có kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý chuyên môn.

#### b. Khó khăn

Hiện trạng diện tích vườn chè của Công ty lâu năm già cỗi, trên 60% cho năng suất thấp, đã có dự án phát triển trồng mới và trồng dặm những giống chè có năng suất cao chất lượng tốt nhưng tiến độ thực hiện chậm nguyên nhân do công ty thiếu vốn. Bên cạnh đó do biến đổi khí hậu làm sản lượng chè chính phẩm giảm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thiết bị nhà máy chế biến chè hầu hết tiếp nhận từ đồn điền cũ của người Pháp cũ kỹ, mặc dầu Công ty đã từng bước thay thế cải tạo dần nhưng vẫn chưa đồng bộ.

Do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế thế giới, khu vực một phần nào hạn chế tốc độ đầu tư phát triển của Công ty, do nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn, lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng đến đời sống cán bộ công nhân viên.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty còn sử dụng vốn vay ngân hàng thương mại.

## 10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Ngành chè nước ta chủ yếu được đầu tư tại các tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ đây cũng là khu vực được nhà nước chú trọng phát triển chè sạch với các kỹ thuật mới nhằm tăng năng suất chất lượng để tăng sản lượng xuất khẩu và cạnh tranh với các nước khác. Công ty Chè Bầu Cạn tuy không nằm trong khu vực trên nhưng cũng là một trong những Công ty lớn và lâu đời trong lĩnh vực sản xuất chè tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên. Công ty Chè Bầu Cạn hoạt động chủ yếu tại thị trường trong nước và tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài.

Cùng với sự phát triển chung về kinh tế, xã hội tỉnh Gia Lai, cũng như những lợi thế về kinh doanh sẵn có, Công ty Chè Bầu Cạn tiếp tục vững vàng và phát triển, là một trong những đơn vị dẫn đầu ngành sản xuất chè của tỉnh nhà.

### 10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Với điều kiện thời tiết khí hậu cũng như đất đai thuận lợi cho cây chè phát triển nhanh và cho năng suất cao sản phẩm chè của nước ta đã có mặt trên 110 thị trường và đăng ký bảo hộ



thương hiệu trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ với sản lượng xuất khẩu chiếm 75-80% tổng sản lượng sản xuất hàng năm. Hiện nay vẫn còn một số thị trường lớn khó tính như Bắc Âu, Tây Âu, Nhật Bản... mà nước ta chưa thể xâm nhập được do chưa đáp ứng được những yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng. Nhận thấy vấn đề này Nhà nước đã đưa ra các chủ trương nhằm nâng cao năng suất, hỗ trợ ngành chè để cạnh tranh vào các thị trường mới cũng như giữ thị phần tại các thị trường truyền thống trước đây.

### **10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện bằng việc Công ty quyết tâm chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là Công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Với chiến lược phát triển sau cổ phần hóa nói chung và kế hoạch sản xuất kinh doanh nói riêng, nếu Công ty chủ động bám sát các chỉ tiêu kế hoạch từng năm đặt ra, điều hành quyết liệt linh hoạt, có trọng điểm, chủ động ứng phó trước những biến động, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực và khai thác tốt cơ hội từ thị trường; phát huy tối đa năng lực hiện có thì kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa là khả thi. Phương án đầu tư và chiến lược của Công ty sau cổ phần hóa phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

## **VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ**

### **1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh**

Tên tiếng Việt đầy đủ : Công ty cổ phần Chè Bầu Cạn

Tên tiếng Anh : Bau Can tea Joint Stock Company

Tên viết tắt : Chè Bầu Cạn

Địa chỉ trụ sở chính : Quốc lộ 19, xã Bầu cạn, huyện Chư prông, tỉnh Gia Lai

Điện thoại : (059) 3843959

Fax : (059) 3843808

Email : ctychebaucan@gmail.com

Vốn Điều lệ : 108.976.000.000 VNĐ

## 2. Ngành nghề kinh doanh

Qua phân tích thực trạng phát triển của Công ty, cùng với tình hình thực tế, điều kiện thổ nhưỡng tại địa phương nơi Công ty đang hoạt động, thời gian tới Công ty chuyển thành Công ty cổ phần vẫn giữ nguyên một số ngành nghề chính và phát triển thêm nếu có điều kiện:

- Sản xuất kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), các mặt hàng nông sản (trừ mù cao su), và dịch vụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất, phân phối và kinh doanh mua bán điện;
- Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng, tiến bộ kỹ thuật cho nhân dân trên địa bàn;

Tùy vào tình hình thực tế trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần sẽ đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh cho phù hợp.

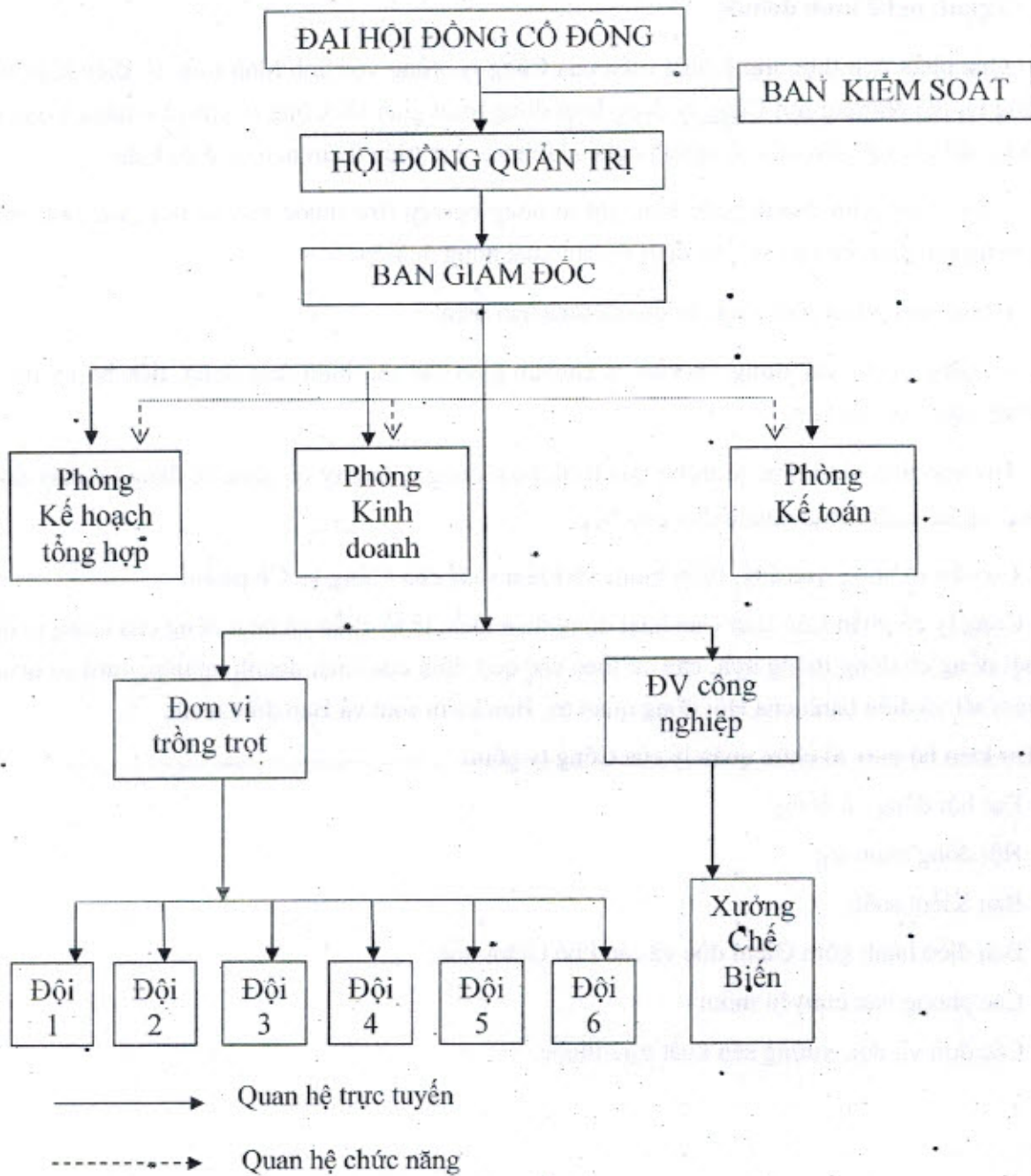
## 3. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty Cổ phần

Công ty cổ phần Chè Bàu Cạn hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

Dự kiến bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban điều hành gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Các đơn vị, đội, xưởng sản xuất trực thuộc.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty sau Cổ phần hóa



**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty cổ phần nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần.

**Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty cổ phần (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông) và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần có 5 thành viên gồm: Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 3 ủy viên; trong đó, có thể có thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách. Các thành viên Hội đồng quản trị được quyền kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành của Công ty cổ phần.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác của Giám đốc điều hành. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty cổ phần.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Điều lệ Công ty cổ phần quy định.

**Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát là những người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty cổ phần nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần có 3 thành viên; trong đó, phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty cổ phần và không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty cổ phần. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty cổ phần và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty cổ phần.

Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 5 năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty cổ phần quy định.

### **Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác**

Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần; chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác của Giám đốc điều hành. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty cổ phần.

Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần.

### **Bộ máy giúp việc cho Giám đốc điều hành**

- Phó giám đốc: Giúp việc Giám đốc có các Phó giám đốc. Phó giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty cổ phần theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.
- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện công tác kế toán Công ty cổ phần; giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành giám sát tài chính tại Công ty cổ phần theo pháp luật về tài chính, kế toán. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc điều hành, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền.
- Các phòng, ban chuyên môn của Công ty cổ phần: có chức năng tham mưu giúp việc Giám đốc điều hành trong công tác quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Dự kiến Công ty cổ phần sẽ thành lập 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ, 06 đơn vị trực trợ, 01 xưởng chế biến. Cụ thể như sau:

+ Phòng Kế hoạch tổng hợp: có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện công tác tổ chức, lao động tiền lương, công tác thi đua khen thưởng, quản lý hành chính, y tế và chăm lo sức khỏe của người lao động; Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty cổ phần thực hiện công tác bảo vệ trật tự trị an, an toàn tài sản Nhà nước, đảm bảo tuyệt đối an toàn tài sản, trật tự trị an trong Công ty cổ phần. Thực hiện nghiệp vụ văn phòng, công tác an toàn lao động và vệ sinh lao động. Đồng thời, tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn, tìm hiểu khai thác thị trường, đầu tư phát triển sản xuất, liên doanh

liên kết trong và ngoài Công ty cổ phần; giao dịch với khách hàng và điều tiết hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty cổ phần; công tác điều độ sản xuất, quản lý phương tiện, thiết bị, vật tư, quản lý hợp đồng kinh tế và công tác báo cáo thống kê tổng hợp.

+ Phòng Kinh doanh: Có chức năng theo dõi và đánh giá kết quả sản xuất – kinh doanh hàng tháng, 06 tháng, năm bằng văn bản trình Giám đốc Công ty; phát triển khách hàng, tăng doanh số cho Công ty.

+ Phòng Kế toán: có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần trong lĩnh vực quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kế toán; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng các chuẩn mực và Luật Kế toán hiện hành nhằm phản ánh kịp thời, chính xác, đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và tình hình tài sản của Công ty cổ phần

#### **4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá**

##### **4.1 Định hướng & Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa**

###### **a. Định hướng phát triển**

Sau cổ phần hóa, định hướng phát triển của Công ty cổ phần như sau:

- Phát huy các lợi thế có được để đẩy mạnh SXKD, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần. Đảm bảo được thế chủ động trong kinh doanh, tập trung sâu về chuyên môn, lĩnh vực kinh doanh đồng thời đa dạng hóa trên các lĩnh vực hoạt động tạo thế phát triển mạnh, bền vững phù hợp với luật doanh nghiệp và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
- Phát huy, tận dụng và khai thác triệt để nguồn lực hiện có của Công ty về lao động, lợi thế về máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng...kết hợp với đầu tư phát triển chiều rộng và chiều sâu, lấy hiệu quả làm trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức lại bộ máy quản lý và tổ chức sản xuất phù hợp với quy mô sản xuất, đảm bảo yêu cầu vừa tinh gọn, vừa đáp ứng được yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần.

###### **b. Chiến lược phát triển**

Xây dựng và phát triển Công ty sau cổ phần ngày càng lớn mạnh về mọi mặt và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước. Công ty có kế hoạch xây dựng thương hiệu Chè Bầu Cạn kèm theo đó là đảm bảo chất lượng sản phẩm nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ ở cả trong nước và xuất khẩu ra thị trường thế giới.

##### **4.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa**

Trên cơ sở mục tiêu, định hướng phát triển nói trên và dự báo môi trường kinh doanh kết hợp với phân tích tình hình hoạt động kinh doanh trong giai đoạn trước khi cổ phần-hoá, Công ty dự kiến một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch SXKD giai đoạn 2017 - 2019 của Công ty cổ phần như sau

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa của Công ty

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Dự kiến vốn điều lệ	Triệu đồng	108.976	108.976	108.976
2	Tổng số lao động	Người	332	332	332
3	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	24.145	25.195	26.307
4	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	6,06	6,32	6,60
5	Tổng doanh thu	Triệu đồng	61.270	61.764	62.569
6	Tổng chi phí	Triệu đồng	56.715	57.097	57.718
7	Số nộp NS	Triệu đồng	2.775	2.877	2.978
8	Lợi nhuận trước thuế (=5-6)	Triệu đồng	4.555	4.667	4.851
9	Thuế TNDN (=8*22%)	Triệu đồng	0	0	0
10	Lợi nhuận sau thuế (=8-9)	Triệu đồng	4.555	4.667	4.851
11	Trích lập các quỹ (đề xuất)	Triệu đồng			
	Quỹ dự phòng tài chính (5%)	Triệu đồng	227,75	233,35	242,55
	Quỹ đầu tư phát triển (5%)	Triệu đồng	227,75	233,35	242,55
	Quỹ phúc lợi, khen thưởng (10%)	Triệu đồng	455,5	466,7	485,1
12	Lợi nhuận được chia cổ tức (=10-11)	Triệu đồng	3644	3733,6	3880,8
13	Cổ tức hàng năm (%)=(12/1*100%)	%	3,01	3,08	3,2
14	Tỷ suất lợi nhuận (sau thuế)/vốn điều lệ	%	3,8	3,9	4

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

#### 4.3 Các giải pháp và căn cứ để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

##### ❖ Về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm tiếp theo, sau khi chuyển thành công ty cổ phần, công ty tiếp tục duy trì và ổn định công tác tổ chức, củng cố và phát triển sản xuất. Phát huy thế mạnh hiện có của công ty, xây dựng chuỗi cung cấp bền vững thông qua củng cố vùng nguyên liệu, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường theo hướng xây dựng thương hiệu sản phẩm, đảm bảo việc làm cho người lao động và cam kết phát triển cộng đồng, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

**❖ Về công tác quản lý**

Tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu bộ máy sau khi cổ phần hóa đảm bảo tinh giản, gọn nhẹ và phát huy được hiệu quả.

Xây dựng quy chế phân cấp rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng CBCNV, tạo cơ chế thuận lợi và giao quyền cho CBCNV để phát huy khả năng, thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Xây dựng quy chế trả lương, trong đó chú trọng đến việc gắn tiền lương với nhiệm vụ được giao và hiệu quả công việc hoàn thành.

Thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí và các biện pháp nâng cao năng suất lao động để tăng hiệu quả hoạt động của Công ty cổ phần.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và quan tâm đến các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý.

**❖ Về phát triển nguồn nhân lực**

Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động phát huy tính tích cực, năng động và sáng tạo trong kinh doanh.

Tuyển chọn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ CBCNV Công ty cổ phần.

Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo về kỹ năng quản lý - điều hành cho cán bộ quản lý và nhân sự tiềm năng.

Xây dựng tiêu chuẩn đối với các chức danh quản lý và chức danh nghiệp vụ. Hoàn thiện các quy chế, quy trình trong lĩnh vực quản trị nhân sự, phục vụ cho công tác quản lý.

Quy chế hoá và công khai các quy định về trách nhiệm cá nhân và chính sách đãi ngộ người lao động theo hướng khuyến khích thích đáng người lao động có đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động chung, năng suất lao động cao ...

**❖ Về hoạt động tài chính**

Trên cơ sở tận dụng nguồn vốn tự có, Công ty cổ phần sẽ tích cực tạo thêm nguồn vốn thông qua các hình thức như: liên kết với đối tác trong và ngoài Tỉnh; tận dụng các khoản tín dụng để đáp ứng nhu cầu vốn cho kinh doanh, đầu tư trong từng giai đoạn, đặc biệt là trong những năm đầu của giai đoạn 2017 - 2019 khi chuyển sang Công ty cổ phần. Thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu vốn, sử dụng có hiệu quả tiền vốn và các nguồn lực của Công ty cổ phần.

**❖ Công tác quản trị hành chính**

Tăng cường công tác bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động, bảo vệ tài sản của Công ty cổ phần ...

Xây dựng và đổi mới hệ thống các quy định quản lý nội bộ phù hợp với pháp luật và hình thức sở hữu.



**5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần****❖ Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông**

Tất cả cổ phần tại thời điểm cổ phần hóa là cổ phần phổ thông, có mệnh giá là 10.000 đồng. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản Pháp luật có liên quan.

**Cơ cấu cổ đông**

TT	Cổ đông	SL CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/Vốn Điều lệ (%)
1	Nhà nước	0	0%
2	Người lao động	385.700	3.54%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc</i>	324.100	2.97%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài</i>	61.600	0.57%
3	Nhà đầu tư chiến lược	5.557.776	51%
4	Nhà đầu tư khác	4.954.124	45.46%
	<b>Tổng</b>	<b>10.897.600</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

**❖ Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:**

Hiện tại, Công ty chưa lên kế hoạch tăng vốn điều lệ cụ thể.

**VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN****1. Thông tin cơ bản về tổ chức chào bán và cổ phiếu chào bán**

Tên Công ty	: Công ty TNHH một thành viên Chè Bàu Cạn
Địa chỉ	: Quốc lộ 19, xã Bàu cạn, huyện Chư prông, tỉnh Gia Lai
Điện thoại	: (059) 3843959
Fax	: (059) 3843808
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	: <b>108.976.000.000 đồng</b>
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phần	: <b>10.897.600 cổ phần</b>
Số lượng cổ phần chào bán đấu giá	: 4.954.124 cổ phần, chiếm 45,46% VDL
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông
Hình thức phát hành	: Bán cổ phần phát hành lần đầu của Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước ra công chúng theo phương thức đấu giá qua tổ chức trung gian
Giá khởi điểm bán đấu giá	: 10.000 đồng/cổ phần

**2. Phương thức bán**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 59/2011/ND-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần phát hành lần đầu của Công ty bao gồm: Người lao động, nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư thông thường.

**2.1. Cổ phần bán cho người lao động**

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp và lao động nhận khoán của Công ty được mua cổ phần ưu đãi. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty được mua cổ phần theo hai hình thức (i) mua cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước và (ii) mua cổ phần ưu đãi cho người lao động Công ty cần sử dụng theo cam kết làm việc lâu dài.

- Lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp:

Tổng số lao động có mặt tại thời điểm công bố GTDN: 337

Tổng số lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi: 308

Tổng số lao động không đủ điều kiện để mua cổ phần ưu đãi: 29

- Lao động nhận khoán:

Số Lao động nhận khoán tại thời điểm công bố GTDN: 436 người

Số lao động nhận khoán đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi: 406 người

Số lao động nhận khoán không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi: 30 người.

Số lượng cổ phần bán cho CBNV là 385.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,54% vốn điều lệ, trong đó:

a) *Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/ND-CP)*

Tổng số lao động	:	337 người
Tổng số năm công tác	:	+ Lao động thường xuyên: 2.357 năm + Lao động nhận khoán là: 5.486 năm
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	:	324.100 cổ phần, tương đương 2,97 % Vốn Điều lệ
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Giá bán cổ phần ưu đãi	:	60% giá đầu giá thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện dự kiến	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

Ghi chú: Một số cán bộ công nhân viên không đăng ký mua đủ theo số năm đã làm việc.

b) *Cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động Công ty theo cam kết làm việc lâu dài*

Tổng số LĐ cam kết làm việc lâu dài	:	29 người
Tổng số CP được mua theo cam kết làm việc	:	61.600 cổ phần chiếm 0,57 % Vốn Điều lệ
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông

Hạn chế chuyển nhượng	:	Hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết làm việc lâu dài
Giá bán	:	Bằng giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện	:	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

## 2.2. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

- ❖ Căn cứ Công văn số 5754/UBND-KTTH ngày 16/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện cổ phần hóa nhà nước, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược của Công ty như sau:
  - Là nhà đầu tư trong nước.
  - Có kinh nghiệm quản trị và điều hành, tổ chức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chế biến sản phẩm đồ uống, chế biến hàng nông sản, đặc biệt là chè, cà phê;
  - Có năng lực Tài chính, vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2015 (đã góp đủ) từ 400 tỷ đồng trở lên; Kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ trong 03 năm 2013, 2014, 2015 và không có lỗ lũy kế (Căn cứ trên báo cáo Tài chính năm 2013, 2014 và 2015 đã được kiểm toán).
  - Có cam kết bằng văn bản về hợp tác và hỗ trợ lâu dài với Công ty, hỗ trợ Công ty các lĩnh vực: chuyển giao công nghệ mới; quản lý, đào tạo nhân lực; nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên liệu.
  - Có văn bản cam kết không chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn 5 năm từ khi doanh nghiệp được Cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
  - Có cam kết về việc sử dụng lao động, sử dụng đất hiện có tại Công ty (đặc biệt lao động là đồng bào dân tộc thiểu số) theo đúng phương án sử dụng đất, phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt.
- ❖ Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 5.557.776 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ.
- ❖ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- ❖ Hạn chế chuyển nhượng: 05 năm.
- ❖ Phương thức bán: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.
- ❖ Giá bán: Là giá Nhà đầu tư chiến lược trúng đấu giá trong cuộc bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- ❖ Thời điểm chào bán dự kiến: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.
- ❖ Đặt cọc: Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai tại thời gian được quy định trong quy chế bán đấu giá cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược do **Ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai Ban hành**. Trường hợp Nhà đầu tư trúng đấu giá mà từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.
- ❖ Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay **10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm** đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.
- ❖ Số lượng nhà đầu tư chiến lược : 01 nhà đầu tư

**2.3. Cổ phần bán ra bên ngoài qua phương thức đấu giá công khai**

Tổng số cổ phần bán đấu giá công khai: **4.954.124 cổ phần**, tương đương 45,46% vốn điều lệ

Giá khởi điểm bán đấu giá: **10.000 đồng/cổ phần**

Trình tự thủ tục và các quy định cụ thể về tham dự đấu giá được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của “Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn” do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

**3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán**

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn” do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành;
- Đối với cổ phần bán cho người lao động và nhà đầu tư chiến lược: Theo quy định tại Điều 10, Mục III Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 và Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 196/2011/BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

**VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ****1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hoá**

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giá định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/CP, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

**Số tiền thu được từ cổ phần hóa**

1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hoá (tính theo giá khởi điểm)	108.976.000.000 đồng
2. Dự kiến các khoản giảm trừ:	2.337.104.017 đồng
Trong đó:	
- Phân giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá để lại doanh nghiệp	
- Chi phí cổ phần hoá	551.623.720
- Khoản giảm giá của số cổ phần ưu đãi bán cho người lao động và Tổ chức công đoàn Công ty (tính theo mức giảm 40% so với mức giá khởi điểm)	1.296.400.000
- Thực hiện chính sách đối với người lao động	489.080.297 đồng

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa  
Công ty TNHH MTV Chè Bàu Cạn)

**2. Xử lý số cổ phần không chào bán hết**

Căn cứ theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ và Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, trường hợp Công ty không chào bán hết số cổ phần chào bán đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hoá được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá theo phương thức thoả thuận trực tiếp.

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận trực tiếp mà vẫn không bán hết, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty để chuyển thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu. Việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên xác định số cổ phần bán được là số cổ phần phát hành thêm theo phương án bán cổ phần đã được phê duyệt. Trường hợp tổng số cổ phần bán được (kể cả thông qua phương thức bán đấu giá công khai) lớn hơn số cổ phần phát hành thêm theo phương án bán cổ phần thì phần chênh lệch tăng được xác định là cổ phần bán vốn nhà nước.

## IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

### 1. Rủi ro về kinh tế

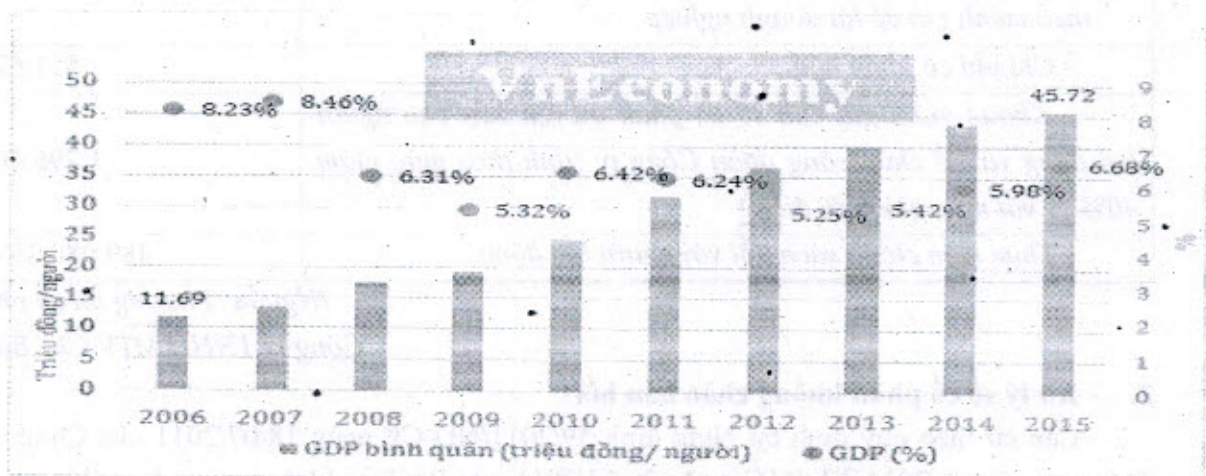
Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, tình hình lạm phát, v.v. đều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty Chè Bầu Cạn.

#### ❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam trong 10 năm qua GDP bình quân đầu người tăng qua các năm. Tuy nhiên khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,31% trong khi trước đó là trên 8% một năm và con số này trong năm 2015 là 6,68%.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm 2006 - 2015



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,25%), thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số.

Năm 2013, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP cả năm 2013 đạt 5,42%, cải thiện đáng kể so với mức tăng của 2012.

GDP năm 2014 tăng gần 6% so với cùng kỳ năm 2013. Đây là mức tăng GDP cao so với mức tăng cùng kỳ năm 2012 và 2013. Đến năm 2015 tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Việt Nam ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, trong đó quý I tăng 6,12%; quý II tăng 6,47%; quý III tăng 6,87%; quý IV tăng 7,01%. Mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2015 cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. Trong mức tăng trưởng kinh tế 6,68% của toàn nền kinh tế thì, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%, thấp hơn mức 3,44% của năm 2014, đóng góp 0,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%, cao hơn nhiều mức tăng 6,42% của năm trước, đóng góp 3,2 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 2,43 điểm phần trăm. Cơ cấu nền kinh tế Việt Nam năm 2015 tiếp tục có sự chuyển dịch nhưng tốc độ chậm, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 17,00%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,25%; khu vực dịch vụ chiếm 39,73%

Mặc dù nền kinh tế đã dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

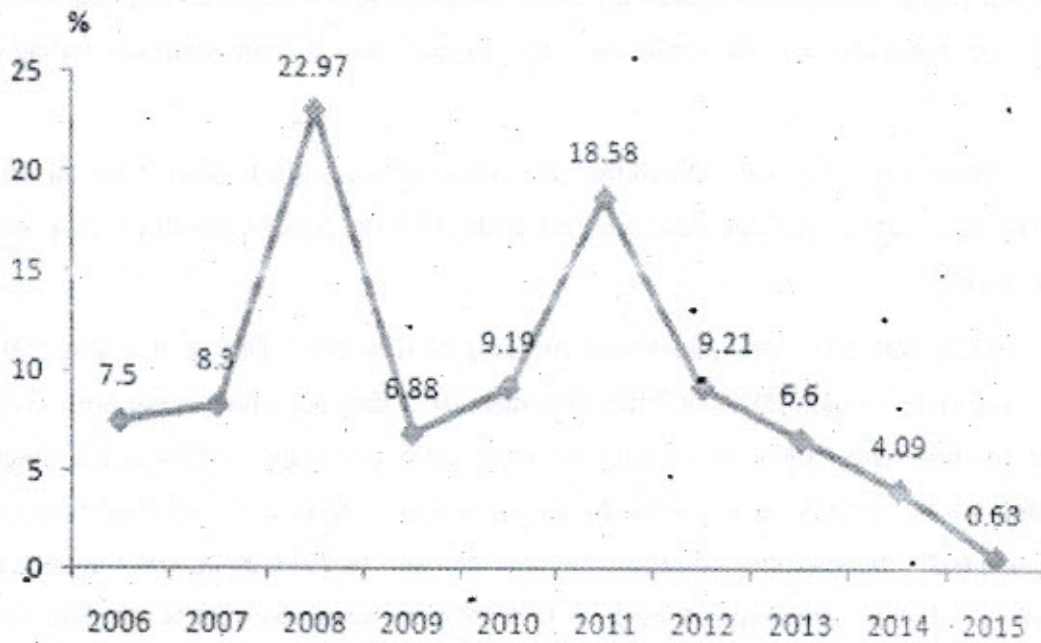
#### ❖ **Lạm phát:**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công...

Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây được duy trì ở mức ổn định, song Việt Nam cũng đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Từ năm 2004 đến 2011, lạm phát ở nước ta có xu hướng gia tăng, cao điểm đã lên mức 2 con số, do đó, chống lạm phát là một nhiệm vụ quan trọng cấp bách trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô. Song, từ năm 2012 đến năm 2013, lạm phát có xu hướng ổn định dưới mức 7%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2012, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

## Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng CPI qua các năm 2006 - 2015



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2014 là 4,09% thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm 2013 (6,6%). Trong năm 2015 mức tăng chỉ đạt 0,63% so với năm 2014. Đây cũng là con số thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây, và thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu lạm phát mà Quốc hội thông qua năm nay (dưới 5%). Bình quân mỗi tháng trong năm 2015, CPI chỉ tăng 0,05% so với tháng trước đó.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây ra không ít khó khăn cho các cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Công ty hoạt động trong ngành sản xuất chè, dưới thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chung cũng như chuyên ngành đều chưa chặt chẽ và thống nhất. Những quy định liên quan tới ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp một cách trực tiếp hay gián tiếp.

### 3. Rủi ro đặt thù ngành

#### ❖ *Rủi ro từ điều kiện thời tiết khí hậu*

Doanh nghiệp sản xuất chè chịu sự ảnh hưởng của nguồn nước tưới tiêu và khí hậu. Trong điều kiện hạn hán thiếu nguồn nước tưới tiêu hợp lý sẽ làm cho cây chè phát triển không tốt không đảm bảo được năng suất và chất lượng. Với một số giống chè đem lại hiệu quả kinh tế cao thì sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu thất thường dễ làm cho sản lượng bị giảm sút nghiêm trọng.

#### ❖ *Rủi ro về nguồn nhân lực:*

Khi đất nước đang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nguồn nhân lực từ các nông thôn, miền núi sẽ chuyển dịch về các thành phố nhằm tìm kiếm các cơ hội việc làm với mức thu nhập cao hơn.

Trên một diện tích đất rộng cùng với việc áp dụng các phương pháp trồng trọt mới nhằm nâng cao năng suất cho cây chè đòi hỏi Công ty phải có một lực lượng lao động lớn đủ để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Nên việc chuyển dịch cơ cấu sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

### 4. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đấu giá.

### 5. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: rủi ro do hoá loạn, rủi ro thiên tai.... Những rủi ro này có thể sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần.

## X. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty Chè Bầu Cặn, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.



Phiên ngày 29 tháng 11 năm 2016

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI *nh*



*PHÓ TRƯỞNG BAN*  
GIÁM ĐỐC SỞ  
*Hồ Phước Thành*

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ  
CÔNG TY TNHH MTV CHÈ BÀU CẠN  
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN TRƯỜNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH *nh*  
HOÀNG ANH

